

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **255/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/6/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Duy**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số 08/TB-TA ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm xxxx. (có mặt)

Địa chỉ (HKTT): Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh T.

Tạm trú: 304 L, tổ 2, khu phố TB, trị trấn TB, huyện B, tỉnh BP.

2. **Bị đơn:** Anh **Đào Tuấn TH** (T), sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Phạm Thị Kim T** - Văn phòng luật sư **Phạm Thị Kim T** thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố H2, thị trấn T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh TH cưới vào năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm; vợ chồng chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện B, tỉnh BP.

Sau khi cưới, chị về sống bên gia đình chồng tại ấp K, xã T, huyện G. Vợ chồng chung sống không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng, đôi lúc chỉ cãi nhau về vấn đề tiền bạc nhưng giữa chị và mẹ chồng xảy ra nhiều bất đồng trong cuộc sống hàng ngày và trong việc chăm sóc con gái của chị. Cuộc sống làm dâu bên gia đình chồng quá khắt khe, mẹ chồng luôn gây khó khăn khiến chị cảm thấy áp lực, dù chị nhiều lần chia sẻ cùng anh TH và đề nghị ra riêng nhưng anh không đồng ý nên chị đem con về nhà cha mẹ ruột sinh sống vào tháng 9 năm 2020. Sau đó, anh TH có tìm gặp chị và kêu chị về; chị đề nghị vợ chồng cùng nhau lập nghiệp ở B nhưng anh không đồng ý nên thời gian sống xa nhau tình cảm dần rạn nứt và không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau được nữa nên chị xin ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị chung sống có 01 con chung là cháu Đào Nguyễn Hồng L, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu được anh TH trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; chị không yêu cầu anh TH cấp dưỡng. Vì cháu là con gái, hơn nữa nhà ngoại ở thị trấn gần trường học, bệnh viện và giao thông thuận tiện hơn khi cháu sống bên nhà nội, đi lại khó khăn và không có nước sạch để sinh hoạt. Đồng thời, chị cũng muốn bù đắp lại tình cảm cho con trong thời gian trước đây cháu không được ở gần mẹ. Trước đây, khi anh TH rước con về bên nội và hứa đến Tết âm lịch năm 2021 sẽ đem cháu trả lại cho chị nhưng anh không giữ đúng lời hứa. Chị khẳng định ba mẹ chị chỉ có con của chị là cháu còn nhỏ tuổi, ngoài ra ba mẹ chị không có giữ con của anh chị nào khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

*** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đào Tuấn TH trình bày:**

- *Về hôn nhân*: Trước đây, khi anh đi làm thuê tại tỉnh B thì anh chị quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Sau khi cưới, vợ chồng anh về sinh sống tại ấp K, xã T, huyện G. Anh đi làm thuê, trồng giồng và nuôi bò để có thêm thu nhập, chị ở nhà nội trợ và chăm sóc con. Tiền kiếm được anh đều đưa cho chị cất giữ nhưng mỗi khi anh cần tiền và kêu chị đưa thì chị nói không còn nên xảy ra cự cãi. Trong thời gian chị về sống cùng gia đình anh thì anh không biết có xảy ra những bất đồng như chị trình bày. Đến tháng 9/2020, chị đem theo con gái về quê tại B sinh sống mà không cho anh và gia đình anh biết. Sau khi tìm gặp được chị, anh có kêu chị về nhưng chị không đồng ý mà kêu anh lên tỉnh BP lập nghiệp nên anh không đồng ý. Từ đó, vợ chồng anh mỗi người sống một nơi và nay vợ anh xin ly hôn thì anh đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh chung sống có 01 con chung là cháu Đào Nguyễn Hồng L hiện do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ cuối năm 2020 đến nay. Nay anh không đồng ý giao con cho vợ anh nuôi. Vì trước đây, chị đem con về tỉnh BP sinh sống khi đó cháu còn rất nhỏ nên khi chị đi làm thì không ai chăm sóc cháu. Gia đình chị đã kêu anh lên rước cháu về nuôi nếu không sẽ đem cho hoặc đem bán cháu nên anh đã đem cháu về sống cùng anh từ tháng 11/2020 đến nay. Chị ít khi về thăm con, không quan tâm đến con và cũng không gửi tiền phụ nuôi con. Nay anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con; anh cũng

không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Phạm Thị Kim T trình bày:**

- Về tình cảm: Với những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống, nay chị H xin ly hôn và anh TH cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Đào Nguyễn Hồng L hiện sống cùng anh TH. Tại phiên tòa, anh chị đều có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy cháu L hiện đã gần 4 tuổi và sống cùng anh TH đã ổn định cuộc sống về mọi mặt. Trước đây khi chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống có đem con theo; sau khi anh TH đến tìm gặp chị 02 lần và kêu chị về nhưng chị không đồng ý. Tuy nhiên, thời gian sau thì chị của chị H gọi điện thoại kêu anh TH đem cháu về nuôi do cha mẹ chị H đã lớn tuổi và còn phải chăm sóc con của các anh chị khác. Từ đó anh TH đem cháu về nuôi cho đến nay. Khi anh TH đến rước con thì chị H cũng có mặt ở nhà, soạn đồ và tự nguyện giao cháu cho anh TH đem về nuôi. Dù anh TH là đàn ông nhưng đã nuôi con từ lúc cháu hơn 2 tuổi đến nay và chăm sóc cháu rất tốt. Hơn nữa, phía anh TH còn có cha mẹ và gia đình có thể hỗ trợ anh TH trong việc chăm sóc, nuôi dạy con gái khi cháu lớn. Hiện cháu sống cùng gia đình bên nội đã quen, anh TH cũng chăm sóc và nuôi dưỡng cháu rất tốt. Chị H nên để cháu cho anh TH tiếp tục nuôi một thời gian, nếu sau này anh TH có gia đình khác mà việc nuôi con không được đảm bảo thì chị được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con giao cháu lại cho chị nuôi. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh TH tiếp tục nuôi vì thời gian qua anh TH đã đảm bảo điều kiện sống tốt nhất và ổn định cho cháu.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy H, chị H được ly hôn với anh Đào Tuấn TH. Về con chung: Giao con chung tên Đào Nguyễn Hồng L, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh TH tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, nhận thấy:

Vợ chồng anh chị kết hôn năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện B, tỉnh BP theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày xx/xx/xxxx nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đỉnh điểm kể từ tháng 9/2020 sau khi chị H bỏ về tỉnh BP sinh sống. Do anh chị bất đồng về nơi ở, chị muốn ra riêng hoặc về quê chị lập nghiệp nhưng anh không đồng ý; từ đó vợ chồng không còn sống gần nhau nên ít quan tâm nhau và thời gian sau này đã bỏ mặc nhau, tình cảm dần rạn nứt và không thể hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng và anh TH cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh TH là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung là cháu Đào Nguyễn Hồng L, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện do anh TH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 11/2020 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, cả anh TH và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, đây là yêu cầu chính đáng và cũng đều xuất phát từ tình yêu thương con của anh chị. Xét về điều kiện kinh tế thì anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, cháu L sống bên gia đình nội từ nhỏ, chị H chỉ đem cháu về B sinh sống được khoảng vài tháng như chị trình bày. Hiện tại, cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống ở đây và được anh TH cùng gia đình anh nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục rất tốt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, cần giao cháu cho anh TH tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng như hiện nay là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh TH không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về thăm nom con: Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Sau này, nếu hai bên phát sinh tranh chấp về vấn đề nuôi dưỡng, thăm nom và chăm sóc con chung thì có quyền gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để yêu cầu xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Đào Tuấn TH.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Đào Nguyễn Hồng L, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh TH tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động được. Về cấp dưỡng: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007666 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND TT.TB,
Huyện B, tỉnh BP;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên

